

Số: 05-04/2022/QBS-CBTT

Hải Phòng, ngày 29 tháng 04 năm 2022

**CÔNG BỐ THÔNG TIN  
TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN  
NHÀ NƯỚC VÀ SGĐCK TP. HCM**

Kính gửi/ To: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM

- Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Quảng Bình
- Mã chứng khoán: QBS
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 23 Lô 01 Khu 97 Bạch Đằng, Hạ Lý, Hồng Bàng, Hải Phòng
- Điện thoại: (0225) 626.3333
- Fax: (0225) 3533.679
- Người thực hiện công bố thông tin: Phạm Thị Ngọc Ninh

Loại thông tin công bố :  định kỳ  bất thường  24h  theo yêu cầu

**Nội dung thông tin công bố (\*):**

Báo cáo tài chính hợp nhất quý 1 năm 2022

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty tại đường dẫn:  
<https://quangbinhjsc.com.vn/news/521-bao-cao-tai-chinh-quy-1-nam-2022>

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

\* Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo tài chính hợp nhất quý 1 năm  
2022

**Dại diện tổ chức**  
Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT  
  
**PHẠM THỊ NGỌC NINH**

# **CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH**

## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/03/2022**



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH**

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,  
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

---

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	02-03
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	04
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	05-06
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	07-31

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2022

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2022 VND	01/01/2022 VND
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>769.961.070.350</b>	<b>765.910.034.583</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>13.031.491.558</b>	<b>13.763.877.507</b>
1. Tiền	111		3.031.491.558	3.763.877.507
2. Các khoản tương đương tiền	112		10.000.000.000	10.000.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>6</b>	<b>318.900.000</b>	<b>318.900.000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		318.900.000	318.900.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>754.232.280.018</b>	<b>749.192.663.228</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	755.200.325.909	750.798.164.981
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		8.586.892.893	8.382.192.893
2. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	445.116.636	446.924.855
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(10.000.055.420)	(10.434.619.501)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>10</b>	<b>652.087.280</b>	<b>652.087.280</b>
1. Hàng tồn kho	141		652.087.280	652.087.280
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.726.311.494</b>	<b>1.982.506.568</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		89.388.690	209.466.731
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.633.043.104	1.772.300.137
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	14	3.879.700	739.700
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>481.299.962.211</b>	<b>497.037.569.225</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>205.832.608.344</b>	<b>209.656.001.926</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	125.432.608.344	129.256.001.926
- Nguyên giá	222		181.215.635.271	182.297.817.622
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(55.783.026.927)	(53.041.815.696)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	80.400.000.000	80.400.000.000
- Nguyên giá	228		80.400.000.000	80.400.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>1.332.157.637</b>	<b>1.332.157.637</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		1.332.157.637	1.332.157.637
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>6</b>	<b>4.225.108.047</b>	<b>15.106.282.166</b>
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		4.560.000.000	20.160.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(334.891.953)	(5.053.717.834)
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>269.910.088.183</b>	<b>270.943.127.496</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		269.910.088.183	270.943.127.496
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>1.251.261.032.561</b>	<b>1.262.947.603.808</b>


**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**


Tại ngày 31 tháng 03 năm 2022

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2022	01/01/2022
			VND	VND
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>644.816.588.177</b>	<b>644.912.142.353</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>469.377.147.976</b>	<b>469.914.746.779</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	95.776.519.355	110.173.201.275
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.980.860.000	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	115.755	545.961.989
4. Phải trả người lao động	314		289.836.633	72.600.648
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	15	129.903.342.124	117.221.008.765
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	16	233.650.249.972	234.125.749.965
7. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		7.776.224.137	7.776.224.137
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>175.439.440.201</b>	<b>174.997.395.574</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	16	163.598.416.659	163.598.416.659
2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	b	11.841.023.542	11.398.978.915
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>606.444.444.384</b>	<b>618.035.461.455</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>17</b>	<b>606.444.444.384</b>	<b>618.035.461.455</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		693.299.280.000	693.299.280.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		693.299.280.000	693.299.280.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(3.249.100.000)	(3.249.100.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		15.692.449.297	15.692.449.297
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(104.475.890.469)	(92.915.570.984)
- LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước	421a		(92.915.570.984)	(93.316.904.213)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(11.560.319.485)	401.333.229
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		5.177.705.556	5.208.403.142
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)</b>	<b>440</b>		<b>1.251.261.032.561</b>	<b>1.262.947.603.808</b>

  
Trần Xuân Đạt  
Người lập

  
Trần Thị Yến Chi  
Kế toán trưởng

  
Nguyễn Thị Thanh Hương  
Chủ tịch HĐQT

Hải Phòng, ngày 28 tháng 04 năm 2022



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH**

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,

Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính Hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/03/2022

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**


Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/03/2022


MÃ SỐ B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý I/2022	Quý I/2021
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	19	42.479.239.870	267.860.646.670
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		42.479.239.870	267.860.646.670
4. Giá vốn hàng bán	11	20	46.700.904.090	262.017.709.134
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		(4.221.664.220)	5.842.937.536
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	82.107.685	188.661.210
7. Chi phí tài chính	22	22	8.251.676.055	4.251.280.909
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		12.773.590.653	3.792.407.066
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25		40.282.374	26.735.598
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	23	1.028.637.414	1.826.277.869
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)+24-(25+26))	30		(13.460.152.378)	(72.695.630)
12. Thu nhập khác	31		3.181.000.000	2.658.350.000
13. Chi phí khác	32		869.820.066	194.282.730
14. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		2.311.179.934	2.464.067.270
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(11.148.972.444)	2.391.371.640
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		-	-
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		442.044.627	303.976.772
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		(11.591.017.071)	2.087.394.868
19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		(11.560.319.485)	2.108.504.395
20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát	62		(30.697.586)	(21.109.527)
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70			30



  
Trần Xuân Đạt  
Người lập

  
Trần Thị Yến Chi  
Kế toán trưởng

  
Nguyễn Thị Thanh Hương  
Chủ tịch HĐQT

Hải Phòng, ngày 28 tháng 04 năm 2022

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/03/2022

(Theo phương pháp gián tiếp)

MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý I/2022 VND	Quý I/2021 VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(11.148.972.444)	2.391.371.640
6. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		2.956.897.443	378.066.549
- Các khoản dự phòng	03		(5.153.389.962)	(146.108.193)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		196.911.283	604.982.036
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2.393.017.619)	(2.689.463.783)
- Chi phí lãi vay	06		12.773.590.653	3.792.407.066
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
12 Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(2.767.980.646)	4.331.255.315
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(4.694.069.132)	(6.508.686.430)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		-	15.718.518.390
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(12.178.076.449)	2.158.495.186
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1.153.117.354	(1.216.147.589)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(102.209.148)	(162.953.641)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(545.621.634)	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(19.134.839.655)	14.320.481.231
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		3.181.000.000	160.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		15.600.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		96.682.904	21.893.500
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		18.877.682.904	181.893.500

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/03/2022

(Theo phương pháp gián tiếp)

MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý I/2022	Quý I/2021
			VND	VND
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền trả nợ gốc vay	34		(475.499.993)	(475.749.993)
2. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(475.499.993)	(475.749.993)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(732.656.744)	14.026.624.738
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		13.763.877.507	11.224.313.832
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		270.795	(138.156)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	5	13.031.491.558	25.250.800.414

Trần Xuân Đạt  
Người lập

Trần Thị Yến Chi  
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thanh Hương  
Chủ tịch HĐQT

Hải Phòng, ngày 28 tháng 04 năm 2022



# CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,  
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/03/2022

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MÃU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

### I . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0200730878 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 12 tháng 03 năm 2007 đăng ký thay đổi lần thứ 28 ngày 05 tháng 04 năm 2017.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 693.299.280.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 03 năm 2022 là 693.299.280.000 đồng; trong đó 69.329.928 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

#### Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: Hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu các sản phẩm phân bón DAP và các sản phẩm hóa chất phục vụ cho sản xuất phân bón trong nước. Đồng thời, Công ty cung cấp các dịch vụ về kho bãi ngoại quan và các dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu.

#### Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa;
- Bán buôn phân bón; Bán buôn hoá chất thông thường (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp);
- Kho bãi và lưu giữ hàng hoá;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
- Sản xuất phân bón và hợp chất Nitơ.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

#### Cấu trúc Tập đoàn

Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2022 bao gồm:

Tên công ty	Trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Cảng cạn Quảng Bình - Đình Vũ	Hải Phòng	98,63%	98,63%	Dịch vụ cảng và hoạt động hỗ trợ xuất nhập khẩu

**2 . KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

**3 . CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

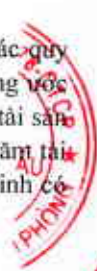
Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

**4 . TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.



*[Handwritten signature]*

**Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

**Hợp nhất kinh doanh**

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

**Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

## **Công cụ tài chính**

### **Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

### **Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### **Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

### **Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

### **Các khoản đầu tư tài chính**

#### ***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

#### ***Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác***

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

### **Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

### **Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền (hoặc nhập trước xuất trước hoặc thực tế đích danh hoặc phương pháp giá bán lẻ trong trường hợp hàng hóa). Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH**

Số 23, Lô I, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,  
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/03/2022

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ:

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí nguyên vật liệu chính cho từng loại sản phẩm

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

- |                                   |         |     |
|-----------------------------------|---------|-----|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc          | 05 - 40 | năm |
| - Máy móc, thiết bị               | 05 - 15 | năm |
| - Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 06 - 10 | năm |
| - Thiết bị, dụng cụ quản lý       | 03 - 10 | năm |



**Tài sản cố định vô hình và khấu hao****Quyền sử dụng đất**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng đất.

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất, chi phí thành lập và các khoản chi phí trả trước khác.

Tiền thuê đất thể hiện số tiền thuê đất đã được trả trước. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Chi phí thành lập bao gồm các chi phí phát sinh trong quá trình thành lập Công ty trước ngày có Giấy chứng nhận đầu tư và được đánh giá là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Chi phí thành lập được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm kể từ ngày Công ty chính thức đi vào hoạt động.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, các chi phí quảng cáo và chi phí đào tạo phát sinh trong giai đoạn trước khi Công ty đi vào hoạt động chính thức và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

**Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

**Vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hoá kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

**Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

**Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.



**Doanh thu*****Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

***Doanh thu hoạt động tài chính***

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

***Giá vốn hàng bán***

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm

### **Chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

### **Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chi ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH**Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,  
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/03/2022

**Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với Bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/03/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tiền mặt	2.100.931.613	920.854.689
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	930.559.945	2.843.022.818
Các khoản tương đương tiền	10.000.000.000	10.000.000.000
	<b>13.031.491.558</b>	<b>13.763.877.507</b>

020  
 CÔ  
 CÔ  
 JẤY  
 QUẢ  
 BẢN

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH**Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,  
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải PhòngBáo cáo tài chính hợp nhất  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/03/2022**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**MÃU SỐ B 09-DN****6 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH****a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/03/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Tiền gửi có kỳ hạn	318.900.000	318.900.000	318.900.000	318.900.000
	<b>318.900.000</b>	<b>318.900.000</b>	<b>318.900.000</b>	<b>318.900.000</b>

**b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	31/03/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Giá trị xác định lại theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND	Giá gốc VND	Giá trị xác định lại theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	-	-	-	-
Đầu tư vào đơn vị khác	4.560.000.000	(334.891.953)	20.160.000.000	(5.053.717.834)
Công ty Cổ phần Thương mại Abavia Việt Nam	4.560.000.000	(334.891.953)	4.560.000.000	(704.716.254)
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Đức Nguyễn	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hà Nội	-	-	15.600.000.000	(4.349.001.580)
	<b>4.560.000.000</b>	<b>(334.891.953)</b>	<b>20.160.000.000</b>	<b>(5.053.717.834)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH**

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,

Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/03/2022

**7 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	31/03/2022	01/01/2022
	VND	VND
Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Nhật Thụy	9.712.367.023	10.028.308.433
Công ty Cổ phần thương mại Abavia Việt Nam	161.766.350.000	178.676.350.000
Công ty CP Đầu tư và Thương mại Quốc tế Bình Minh Việt	268.841.995.000	281.841.995.000
Công ty CP Phát triển phân bón Đình vũ	116.148.072.995	116.940.072.995
Công ty CP Đầu tư Sao Thái Dương	82.662.490.000	84.662.050.000
Chi tiết khoản phải thu chiếm từ 10% phải thu khách hàng trở lên	-	-
Các khoản phải thu khách hàng khác	116.069.050.891	78.649.388.553
	<b>755.200.325.909</b>	<b>750.798.164.981</b>

**8 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	31/03/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	57.863.014	-	72.708.233	-
Phải thu về bảo hiểm xã hội	-	-	-	-
Ký cược, ký quỹ	225.000.000	-	225.000.000	-
Phải thu khác	162.253.622	(149.216.622)	149.216.622	-
	<b>445.116.636</b>	<b>(149.216.622)</b>	<b>446.924.855</b>	-

**9 . NỢ XẤU**

	31/03/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
Công ty CP Hóa chất Phúc Lâm	4.465.825.912	-	4.465.825.912	-
Công ty CP Thức ăn chăn nuôi Spotlight	2.863.598.538	-	2.863.598.538	-
Đối tượng khác	2.670.630.970	-	3.105.195.051	-
	<b>10.000.055.420</b>	<b>-</b>	<b>10.434.619.501</b>	<b>-</b>

**10 . HÀNG TỒN KHO**

	31/03/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	-	-	-	-
Công cụ, dụng cụ	652.087.280	-	652.087.280	-
Hàng hoá	-	-	-	-
	<b>652.087.280</b>	<b>-</b>	<b>652.087.280</b>	<b>-</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH**Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,  
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải PhòngBáo cáo tài chính hợp nhất  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/03/2022**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MÃ SỐ B 09-DN

**II . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Tại ngày 01/01/2022	132.360.106.460	6.574.371.773	41.158.260.874	2.205.078.515	182.297.817.622
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	(1.082.182.351)	-	-	-	(1.082.182.351)
Giảm do thoái vốn tại Công ty con	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/03/2022	131.277.924.109	6.574.371.773	41.158.260.874	2.205.078.515	181.215.635.271
Giá trị hao mòn lũy kế					
Tại ngày 01/01/2022	32.105.208.822	433.337.853	19.050.371.014	1.452.898.007	53.041.815.696
Trích khấu hao	1.779.701.571	2.563.812	1.119.766.272	54.865.788	2.956.897.443
Thanh lý, nhượng bán	(215.686.212)	-	-	-	(215.686.212)
Giảm do thoái vốn tại Công ty con	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/03/2022	33.669.224.181	435.901.665	20.170.137.286	1.507.763.795	55.783.026.927
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/01/2022	100.254.897.638	6.141.033.920	22.107.889.860	752.180.508	129.256.001.926
Tại ngày 31/03/2022	97.608.699.928	6.138.470.108	20.988.123.588	697.314.720	125.432.608.344



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH**Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,  
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/03/2022

**12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Giá trị quyền sử dụng đất VND
Nguyên giá	
Tại ngày 01/01/2022	80.400.000.000
Giảm do thanh lý khoản đầu tư	-
<b>Tại ngày 31/03/2022</b>	<b>80.400.000.000</b>
Giá trị còn lại	
Tại ngày 01/01/2022	80.400.000.000
<b>Tại ngày 31/03/2022</b>	<b>80.400.000.000</b>

**CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	31/03/2022 VND	01/01/2022 VND
a) Chi phí trả trước ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	27.817.828	33.937.788
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	61.570.862	175.528.943
	<b>89.388.690</b>	<b>209.466.731</b>
b) Chi phí trả trước dài hạn		
Chi phí thuê đất tại Đình Vũ	269.517.164.127	270.492.792.162
Chi phí trước hoạt động/chi phí chuẩn bị sản xuất	-	-
Chi phí hạ tầng	194.993.943	108.220.969
Công cụ dụng cụ xuất dùng	-	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	197.930.113	342.114.365
	<b>269.910.088.183</b>	<b>270.943.127.496</b>

**13 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/03/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	VND	VND	VND
Công ty CP Thương mại dịch vụ và XNK Trần Trang	41.032.200.000	41.032.200.000	76.092.200.000	76.092.200.000
Công ty CP Xuất nhập khẩu Đức Nguyễn	39.825.427.780	39.825.427.780	19.648.827.780	19.648.827.780
Các khoản phải trả khác	14.918.891.575	14.918.891.575	14.432.173.495	14.432.173.495
	<b>95.776.519.355</b>	<b>95.776.519.355</b>	<b>110.173.201.275</b>	<b>110.173.201.275</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH**

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,  
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/03/2022

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**MÃU SỐ B 09-DN****14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	140.000	701.250.277	701.250.277	140.000	-
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	-	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	545.621.634	545.621.634	-	-
Thuế Thu nhập cá nhân	739.700	189.796	414.396	739.700	115.755
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-	-	-	-	-
Các loại thuế khác	-	2.125.000	2.125.000	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	4.000.000	7.000.000	3.000.000	-
	<b>879.700</b>	<b>545.961.989</b>	<b>1.256.411.307</b>	<b>3.879.700</b>	<b>115.755</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH**Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,  
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/03/2022

**15 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>31/03/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	40.928.504	29.991.184
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	155.000.000	155.000.000
Phải trả lãi vay Ngân hàng NN&PTNT - Chi nhánh Hải Phòng	44.376.036.926	39.849.863.010
Phải trả lãi vay Ngân hàng NN&PTNT - Chi nhánh Thủ đô	29.185.727.497	26.330.717.825
Phải trả lãi vay Công ty TNHH MTV quản lý tài sản của các TCTD Việt Nam	54.518.145.954	49.227.948.037
Phải trả lãi đặt cọc mua cổ phần của Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam	886.000.000	886.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	741.503.243	741.488.709
	<u><u>129.903.342.124</u></u>	<u><u>117.221.008.765</u></u>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MÃU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

### 16 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	01/01/2022		Trong kỳ		31/03/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>a) Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn</b>						
<i>Vay ngắn hạn</i>						
- Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam	231.747.000.000	231.747.000.000	-	-	231.747.000.000	231.747.000.000
- CN Thủ Đức <sup>(1)</sup>	53.170.000.000	53.170.000.000	-	-	53.170.000.000	53.170.000.000
- Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam	120.000.000.000	120.000.000.000	-	-	120.000.000.000	120.000.000.000
- CN Bắc Hải Phòng <sup>(2)</sup>	58.577.000.000	58.577.000.000	-	-	58.577.000.000	58.577.000.000
- Vay cá nhân	2.378.749.965	2.378.749.965	-	475.499.993	1.903.249.972	1.903.249.972
<i>Vay và nợ dài hạn đến hạn trả</i>						
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Hải Phòng	2.378.749.965	2.378.749.965	-	475.499.993	1.903.249.972	1.903.249.972
	<b>234.125.749.965</b>	<b>234.125.749.965</b>		<b>475.499.993</b>	<b>233.650.249.972</b>	<b>233.650.249.972</b>
	Giá trị	Số có khả năng trả	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>b) Vay và nợ thuế tài chính dài hạn</b>						
<i>Vay dài hạn</i>						
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Hải Phòng <sup>(4)</sup>	2.238.416.659	2.238.416.659	-	-	2.238.416.659	2.238.416.659
- Công ty TNHH MTV quản lý tài sản của các TCTD Việt Nam	161.360.000.000	161.360.000.000	-	-	161.360.000.000	161.360.000.000
- Công ty CP Quảng Bình Cao Bằng	-	-	-	-	-	-
	<b>163.598.416.659</b>	<b>163.598.416.659</b>			<b>163.598.416.659</b>	<b>163.598.416.659</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MÃU SỐ B 09-DN

### 16 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

#### Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác của Công ty như sau:

##### (i) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - CN Thứ Đô:

Hợp đồng tín dụng số 1483 - LAV - 201700011 ngày 06/01/2017; hạn mức: 400.000.000.000 VND; mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh; hiệu lực hợp đồng: Hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2017; Lãi suất vay được quy định cụ thể trên từng giấy nhận nợ và được điều chỉnh theo thông báo của Ngân hàng. Hình thức đảm bảo tiền vay: Đảm bảo bằng tài sản;

##### (ii) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - CN Bắc Hải Phòng:

Hợp đồng tín dụng số 2111-LAV201700161/HĐTD ngày 18/04/2017; hạn mức: 120.000.000.000 VND; mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, phục vụ sản xuất kinh doanh; hiệu lực: 12 tháng kể từ ngày ký; Lãi suất vay: Lãi suất vay được quy định cụ thể trên từng giấy nhận nợ và được điều chỉnh theo thông báo của Ngân hàng. Hình thức đảm bảo tiền vay: Đảm bảo bằng tài sản;

##### (iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong Việt Nam - CN Hải Phòng theo các Hợp đồng:

+ Hợp đồng tín dụng số 82/2019/HĐTD/THU/01 ngày 13/02/2019; Hạn mức: 2.009.000.000 VND; Mục đích: Thanh toán tiền mua xe ô tô Mercedes - Benz S450 và phí bảo hiểm an tâm tín dụng; Thời hạn vay: 60 tháng đối với khoản vay ô tô và 36 tháng đối với khoản vay thanh toán phí BHATTD; Lãi suất vay: Lãi suất vay được quy định cụ thể trên từng giấy nhận nợ và được điều chỉnh theo thông báo của Ngân hàng. Hình thức đảm bảo tiền vay: Đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay;

+ Hợp đồng tín dụng số 82/2019/HĐTD/THU/02 ngày 09/05/2019; Hạn mức: 7.499.999.886 VND; Mục đích: Thanh toán tiền mua xe nâng Container Kalmar 15LA - 1570; Thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày giải ngân; Lãi suất vay: Lãi suất vay được quy định cụ thể trên từng giấy nhận nợ và được điều chỉnh theo thông báo của Ngân hàng. Hình thức đảm bảo tiền vay: Đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay;

##### (iv) Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các Tổ chức tín dụng Việt Nam:

Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hải Phòng (VietinBank HP) phát hành thông báo số 1131/TB-CNHP04 ngày 29/12/2021 về việc bán nợ của Công ty CP XNK Quảng Bình. Theo thông báo, VietinBank HP đã bán nợ thương mại đối với khoản nợ của Công ty CP XNK Quảng Bình cho Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các Tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC), việc thực hiện mua bán nợ phù hợp theo Quy định tại Nghị quyết số 42/2017/QH14 ngày 21/06/2017 của Quốc Hội.

Cụ thể, việc mua bán giữa Vietin Bank HP và VAMC được thực hiện theo Hợp đồng mua bán nợ số 01/2021/HĐMBN/VAMC3-VietinBank ngày 24/12/2021; VAMC mua khoản nợ của Công ty CP XNK Quảng Bình còn nợ VietinBank HP theo Hợp đồng tín dụng gốc số 01/2016-HĐTDDA/NHCT160-QBS-ICD ngày 18/01/2016 và các văn bản sửa đổi bổ sung với Tổng nợ gốc là 161.360.000.000 VND và tổng nợ lãi là 48.819.883.176 VND. Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các Tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC) phát hành thông báo số 21/VAMC-Ban3 ngày 06/01/2022 về việc mua khoản nợ gốc và lãi quá hạn của Công ty từ VietinBank HP.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH**  
Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,  
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/03/2022

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**MÃ SỐ B 09-DN**

### **16 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

c) Số vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán

	31/03/2022		01/01/2022	
	Số dư nợ gốc	Lãi	Số dư nợ gốc	Lãi
Vay ngân hàng	VND	VND	VND	VND
- Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam - Chi nhánh Thủ Đức	173.170.000.000	73.561.764.423	173.170.000.000	66.180.580.835
- Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam - CN Bắc Hải Phòng	53.170.000.000	29.185.727.497	53.170.000.000	26.330.717.825
	120.000.000.000	44.376.036.926	120.000.000.000	39.849.863.010
	<b>173.170.000.000</b>	<b>73.561.764.423</b>	<b>173.170.000.000</b>	<b>66.180.580.835</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH**Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,  
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải PhòngBảo cáo tài chính hợp nhất  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/03/2022**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**17 . VỐN CHỦ SỞ HỮU****a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Quý I/2022</b>						
Tại ngày 01/01/2022	693.299.280.000	(3.249.100.000)	15.692.449.297	(92.915.570.984)	5.208.403.142	618.035.461.455
Lãi trong Quý I/2022	-	-	-	(11.560.319.485)	(30.697.586)	(11.591.017.071)
Giảm do thoái vốn tại Công ty con	-	-	-	-	-	-
<b>Tại ngày 31/03/2022</b>	<b>693.299.280.000</b>	<b>(3.249.100.000)</b>	<b>15.692.449.297</b>	<b>(104.475.890.469)</b>	<b>5.177.705.556</b>	<b>606.444.444.384</b>

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	31/03/2022	Tỷ lệ	01/01/2022	Tỷ lệ
	VND	(%)	VND	(%)
Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	92.005.790.000	13,27%	92.005.790.000	13,27%
Các cổ đông khác	601.293.490.000	86,73%	601.293.490.000	86,73%
	<b>693.299.280.000</b>	<b>100,00%</b>	<b>693.299.280.000</b>	<b>100,00%</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH**Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,  
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/03/2022

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Quý I/2022	Quý I/2021
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	693.299.280.000	693.299.280.000
- <i>Vốn góp đầu kỳ</i>	693.299.280.000	693.299.280.000
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	693.299.280.000	693.299.280.000

**d) Cổ phiếu**

	31/03/2022	01/01/2022
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	69.329.928	69.329.928
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	69.329.928	69.329.928
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	69.329.928	69.329.928
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	69.329.928	69.329.928
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	69.329.928	69.329.928
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

**e) Các quỹ công ty**

	31/03/2022	01/01/2022
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	15.692.449.297	15.692.449.297
	<b>15.692.449.297</b>	<b>15.692.449.297</b>

**18 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****a) Ngoại tệ các loại**

	31/03/2022	01/01/2022
Đồng đô la Mỹ (USD)	5251,88	6416,35

**19 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Quý I/2022	Quý I/2021
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	39.830.000.000	266.723.806.570
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.649.239.870	1.136.840.100
	<b>42.479.239.870</b>	<b>267.860.646.670</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH**Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,  
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/03/2022

**20 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Quý I/2022	Quý I/2021
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	-	-
Giá vốn của hàng hóa đã bán	39.237.613.275	259.345.256.502
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	7.463.290.815	2.672.452.632
Giá trị còn lại, chi phí nhượng bán, thanh lý của bất động sản	-	-
	<b>46.700.904.090</b>	<b>262.017.709.134</b>

**21 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Quý I/2022	Quý I/2021
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	81.837.685	175.396.513
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	-	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	270.000	13.264.697
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	-	-
	<b>82.107.685</b>	<b>188.661.210</b>

**22 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Quý I/2022	Quý I/2021
	VND	VND
Lãi tiền vay	12.773.590.653	3.792.407.066
Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	-	-
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	-	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	-	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	196.911.283	604.982.036
Dự phòng/hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và t	(4.718.825.881)	(146.108.193)
Chi phí tài chính khác	-	-
	<b>8.251.676.055</b>	<b>4.251.280.909</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH**Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,  
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/03/2022

**23 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Quý I/2022	Quý I/2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	22.801.426	14.134.050
Chi phí nhân công	893.440.593	1.264.185.805
Chi phí khấu hao tài sản cố định	320.199.246	340.183.008
Thuế, phí, lệ phí	-	1.449.202
Chi phí dự phòng/hoàn nhập dự phòng	(434.564.081)	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	193.142.665	165.236.618
Chi phí khác bằng tiền	33.617.565	41.089.186
	<b>1.028.637.414</b>	<b>1.826.277.869</b>

**24 . NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Quý I/2022	Quý I/2021
<b>Mua hàng hóa, dịch vụ</b>		-	<b>2.591.524.500</b>
Công ty CP XNK Cát Long	Bà Nguyễn Thị Thanh Hương đồng thời là Chủ tịch HĐQT Công ty CP XNK Cát long đến hết ngày 14/10/2021	-	2.591.524.500
<b>Bán hàng hóa, dịch vụ</b>		-	<b>9.430.168.685</b>
Công ty CP XNK Cát Long	Bà Nguyễn Thị Thanh Hương đồng thời là Chủ tịch HĐQT Công ty CP XNK Cát long đến hết ngày 14/10/2021	-	9.430.168.685

<b>Vay tiền</b>	<b>26.377.000.000</b>	<b>26.377.000.000</b>
Ông Nguyễn Thanh Bình	18.887.000.000	
Ông Hoàng Văn Hưng	7.490.000.000	
Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	-	

**2. SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Bên liên quan	Mối quan hệ	31/03/2022	01/01/2022
<b>Phải thu khách hàng</b>		-	<b>112.860.000</b>
Công ty CP XNK Cát Long	Bà Nguyễn Thị Thanh Hương đồng thời là Chủ tịch HĐQT Công ty CP XNK Cát long đến hết ngày 14/10/2021	-	112.860.000
<b>Vay tiền</b>	<b>26.377.000.000</b>	<b>26.377.000.000</b>	
Ông Nguyễn Thanh Bình	18.887.000.000		
Ông Hoàng Văn Hưng	7.490.000.000		



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH**

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,  
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/03/2022

**25 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

**26 . BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh xuất nhập khẩu các sản phẩm phân bón và hóa chất phục vụ sản xuất phân bón, các hoạt động khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong kết quả kinh doanh và trong tổng tài sản của Công ty. Bên cạnh đó, hoạt động của Công ty được diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Do vậy, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

**Trần Xuân Đạt**  
Người lập

**Trần Thị Yến Chi**  
Kế toán trưởng



**Nguyễn Thị Thanh Hương**  
Chủ tịch HĐQT

Hải Phòng, ngày 28 tháng 04 năm 2022



CÔNG TY CỔ PHẦN  
XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH  
Số:0204/2022/PKT

Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam  
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc  
\*\*\*\*\*o0o\*\*\*\*\*

Hải Phòng, ngày 28 tháng 04 năm 2022

**Kính gửi :** - Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước Việt Nam  
- Sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh

- Căn cứ Khoản 4 điều 11 Thông tư số 155/2015/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06/10/2015.

- Căn cứ quy trình công bố thông tin của Công ty CP xuất nhập khẩu Quảng Bình.

Theo Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/03/2022 của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình, tổng lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo KQ HĐKD hợp nhất của Công ty lỗ 11,591 tỷ đồng, giảm 13,678 tỷ đồng so với quý I/2021. Nguyên nhân được xác định cụ thể như sau:

- Tổng doanh thu Quý I/2022 của Công ty đạt 42,479 tỷ đồng, giảm 225,381 tỷ đồng tương ứng giảm 84,14% so với quý I/2021. Doanh thu hoạt động tài chính giảm 0,106 tỷ đồng so với quý I/2021. Chi phí khác tăng 0,675 tỷ đồng so với quý I/2021.
- Tổng giá vốn hàng bán giảm 215,316 tỷ đồng, tương ứng giảm 82,18% so với Quý I/2021. Chi phí tài chính tăng 4 tỷ đồng tương ứng tăng 94,10% so với quý I/2021 do trong quý I/2022 Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng các khoản lãi vay ngắn hạn phải trả. Thu nhập khác tăng 0,522 tỷ đồng.

Vì sự tăng giảm của các chỉ tiêu trên nên Tổng lợi nhuận sau thuế quý I/2022 giảm 13,619 tỷ đồng so với quý I/2021.



Bằng công văn này, Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu Quảng Bình kính  
giải trình lên HOSE và UBCKNN về số liệu lợi nhuận sau thuế đối với Kết quả  
kinh doanh hợp nhất của quý I/2022 của Công ty.

*Trân trọng.*

**Nơi nhận:**

- Như Kính gửi
- Lưu VP

*Ch* CÔNG TY CỔ PHẦN XNK QUẢNG BÌNH



CHỦ TỊCH HĐQT

*Nguyễn Thị Thanh Hương*

